

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TTV23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MD03216**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Soạn thảo văn bản điện tử**

Số TC: **3**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2354802034805	Võ Trường	An	30/08/2005			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
2	2354802034806	Dương Kiều	Anh	03/09/2008			9	8.5	8.5	9.0			9.8		9.4
3	2354802034807	Lê Phạm Quốc	Anh	22/12/2008			9	8	8.0	9.0			9.3		9.0
4	2354802034808	Phan Thị Kim	Anh	28/09/2008			8.5	8.5	8.5	8.0			8.3		8.3
5	2354802034809	Đặng Hoàng	Chánh	25/01/2008			9	9	8.5	8.5			8.0		8.3
6	2354802034810	Huang Jiang	Cheng	07/05/2008			8	7	6.5	7.5			7.5		7.4
7	2354802034811	Nguyễn Bùi Kim	Duyên	14/02/2008			9.5	8	9.0	9.0			9.0		9.0
8	2354802034812	Ngô Quốc	Đại	24/03/2008			9	9.5	9.0	9.0			9.5		9.3
9	2354802034813	Bùi Hải	Đăng	10/05/2008			7	7	6.5	7.5			8.5		7.9
10	2354802034814	Đỗ Hữu	Hậu	21/01/2004			9.5	9	9.0	9.0			9.8		9.5
11	2354802034815	Nguyễn Quốc	Hòa	11/06/2008			9	8.5	6.0	8.0			0.0		3.0
12	2354802034816	Dương Văn	Hoàng	08/12/2008			9	9	8.0	9.5			9.8		9.4
13	2354802034817	Phạm Thị Thu	Hồng	18/07/2008			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
14	2354802034818	Mai Quốc	Huy	22/09/2008			9.5	9	9.0	9.0			9.5		9.3
15	2354802034819	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	27/04/2008			9	8.5	9.0	9.5			9.0		9.0
16	2354802034820	Nguyễn Minh	Kha	23/05/2008			9	8.5	9.0	9.0			8.5		8.7
17	2354802034821	Trần Dương	Khang	15/02/2008			8	9	8.0	8.5			6.8		7.4
18	2354802034822	Trần Huỳnh Duy	Khang	05/02/2006			5	6	6.0	8.5			8.3		7.6
19	2354802034823	Lê Hữu Toàn	Khoa	24/09/2008			8.5	8.5	8.0	7.5			8.3		8.2
20	2354802034824	Phạm Anh	Khoa	03/07/2007			9	8	8.5	8.0			8.8		8.6
21	2354802034825	Nguyễn Nhã	Kỳ	13/03/2008			9.5	8.5	9.0	9.0			9.3		9.2
22	2354802034826	Nguyễn Thư	Kỳ	30/10/2008			8.5	9	9.0	8.5			9.5		9.2
23	2354802034827	Bùi Thị Huỳnh	Lê	28/05/2008			9	7	8.5	8.5			9.3		8.9
24	2354802034828	Lê Thị Thanh	Ngân	28/08/2004			9	9	9.0	9.5			9.8		9.5
25	2354802034829	Trịnh Anh	Ngọc	23/01/2008			9	8	9.0	9.0			9.8		9.4
26	2354802034830	Bùi Huỳnh Phúc	Nguyên	02/06/2008			9.5	9	9.0	9.0			9.3		9.2
27	2354802034831	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	07/07/2007			9	9	9.5	9.0			9.3		9.2
28	2354802034832	Trần Anh	Pháp	22/07/2007			9	8	8.5	8.5			9.3		9.0
29	2354802034833	Huỳnh Thanh	Phong	08/07/2008			8	8	7.5	7.5			6.3		6.8
30	2354802034834	Dương Thiện	Phúc	14/08/2008			8	8.5	8.0	8.0			7.3		7.6
31	2354802034835	Khuru Từ Thiên	Phụng	25/04/2003			9.5	8.5	8.5	8.5			9.0		8.9
32	2354802034836	Phạm Thị Quỳnh	Phương	11/11/2008			9	9	9.0	9.5			8.3		8.6
33	2354802034837	Đồng Văn	Quý	17/01/2008			9.5	9	6.0	8.0			0.0		3.1
34	2354802034838	Nguyễn Mai Phương	Quyên	19/02/2008			9.5	9	9.0	9.5			8.0		8.5
35	2354802034839	Huỳnh Nhật	Tân	18/01/2008			9.5	9	9.5	9.5			9.5		9.5

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 23 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thanh Phong